

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2023/DS-ST

Ngày: 27/10/2023.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Trần Văn Chiêu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thanh Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2023/TLST – DS ngày 05 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

Trụ sở: Số B, N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Minh S – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch – Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh V – Phòng G.

Địa chỉ: Số A, tổ A, đường C, khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Châu Minh S ủy quyền lại cho: ông Trần D1 – Chức vụ: Phòng trưởng Phòng giao dịch – Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh V – Phòng G (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Quế P, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh **Nguyễn Hòa A**, sinh năm 1995 (con của bà P, xin vắng).

2/ Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1998 (con của bà P, xin vắng).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 do người đại diện trình bày và yêu cầu:*

Ngày 29/7/2019 bà Phạm Thị Quế P có vay tiền của Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh V – Phòng G (Sau đây gọi là: *Ngân hàng*) số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay là 03 năm, lãi suất 03 tháng đầu là 10%/năm sau đó sẽ điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay, mục đích vay là để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Hai bên có ký Hợp đồng cho vay số LD 1921000085 ngày 29/7/2019 và Giấy nhận nợ số LD 2121700368 ngày 05/8/2021.

Để đảm bảo khoản vay bà P có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất cấp cho bà P tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.940,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1921000085 ngày 29/7/2019 và có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 29/7/2019.

Do bà Phạm Thị Quế P vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Yêu cầu bà Phạm Thị Quế P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 19/5/2023 là: 68.669.764đ (sáu mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó, nợ gốc: 60.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 301.370đ, nợ lãi quá hạn: 8.339.591đ. Và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2023 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo giấy nhận nợ số LD 2121700368 ký ngày 05/8/2021.

2/ Trường hợp bà Phạm Thị Quế P không thanh toán hết món nợ vay đã nêu trên thì cho Ngân hàng xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo là: 01 thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CI 952612, sổ vào sổ cấp GCN: CS07460 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 31/8/2018 cho ông Phạm Văn D2 và bà Nguyễn Thị B1 đứng tên sử dụng. Thay đổi ngày 24/6/2019 tặng cho bà Phạm Thị Quế P theo hồ sơ số 006099.TA.01685. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Buộc bà Phạm Thị Quế P là bên vi phạm hợp đồng phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí.

*** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Quế P trình bày:**

Vào năm 2019 tôi có vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000đ, trong quá trình vay tôi có đã trả nợ cho Ngân hàng được 40.000.000đ, hiện nay còn nợ Ngân hàng 60.000.000đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tôi trả nợ gốc và lãi là 68.669.764đ thì tôi đồng ý. Trường hợp tôi không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì tôi đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng bán đấu giá để thu hồi nợ là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.940,8m², tọa lạc tại xã T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

*** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B trình bày:** Tôi là con của bà Phạm Thị Quế P, hiện tại tôi có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nhưng tôi không ở thường xuyên. Tôi xác định thửa đất số 8, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.940,8m², tọa lạc tại ấp T (nay là ấp T), xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và tài sản gắn liền với đất là tài sản của mẹ tôi Phạm Thị Quế P, tôi không có quyền đối với các tài sản này. Việc mẹ tôi vay tiền của Ngân hàng và thế chấp thửa đất này cho Ngân hàng thì tôi có biết. Trường hợp Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì tôi thống nhất theo ý kiến của mẹ tôi. Do bận công việc và ở xa nên tôi xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hòa A trình bày:** Tôi là con của bà Phạm Thị Quế P, còn Nguyễn Thị B là em gái của tôi, còn cha tôi tên Nguyễn Việt T đã chết vào năm 2012. Hiện nay tôi có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại nhà đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thửa đất tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và tài sản có trên đất là của mẹ tôi Phạm Thị Quế P, không có liên quan đến tôi. Nguồn gốc đất là của ông bà ngoại cho mẹ tôi Phạm Thị Quế P. Việc mẹ tôi Phạm Thị Quế P vay tiền của Ngân hàng và thế chấp đất cho Ngân hàng thì tôi không biết. Nay theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp mẹ tôi bà Phạm Thị Quế P không trả được nợ và Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì tôi đồng ý di dời tài sản của tôi để bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ. Tôi xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay (ngày 27/10/2023) thì bà Phạm Thị Quế P còn nợ Ngân hàng tổng nợ gốc, lãi là 63.272.470đ, trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 301.370đ, nợ lãi quá hạn là 12.971.100đ. Đối với tiền lãi phạt quá hạn 39.993đ thì Ngân hàng không yêu cầu bà P trả.

- Bị đơn bà Phạm Thị Quế P trình bày: Tôi thừa nhận có nợ Ngân hàng số tiền gốc lãi tính đến phiên tòa hôm nay là 63.272.470đ. Tôi đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng tôi xin được trả dần mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Ngân hàng không đồng ý cho bà P trả dần số tiền còn nợ.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Về án phí, bà Phạm Thị Quế P phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (*sau đây gọi là: Ngân hàng*) là tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Quế P trả tiền vốn vay và tiền lãi theo hợp đồng đã ký; bị đơn bà Phạm Thị Quế P có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Hòa A có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt anh A và chị B.

[1.3] Đối với người thuê đất tên H ở xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long được bà Phạm Thị Quế P trình bày trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2023. Tòa án đã thông báo yêu cầu bà P cung cấp họ tên và địa chỉ của ông H nhưng bà P không cung cấp được và bà P trình bày là H đã trả đất và giao toàn bộ cây trồng trên đất cho bà P. Đồng thời, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thuê đất giữa bà P và H, khi nào có tranh chấp thì sẽ giải quyết

bằng vụ án khác. Do đó, Tòa án không đưa người thuê đất tên H vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu bà Phạm Thị Quế P trả nợ gốc và nợ lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo “Hợp đồng cho vay” số LD1921000085 ngày 29/7/2019 và “Giấy nhận nợ” số LD212170038 ngày 05/8/2021 thì bà Phạm Thị Quế P có vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000đ, lãi suất 03 tháng đầu là 10%/năm sau đó sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần, mục đích vay tiền là để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp tổng hợp, thời hạn vay là 01 năm.

Do bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P trả nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 27/10/2023 (phiên tòa sơ thẩm) tổng cộng là 63.272.470đ, trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 301.370đ, nợ lãi quá hạn là 12.971.100đ.

Xét thấy, bà Phạm Thị Quế P thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc, nợ lãi như đã nêu trên và tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng theo “Giấy nhận nợ” số LD212170038 ngày 05/8/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp của bà Phạm Thị Quế P trong trường hợp bà P không có khả năng thanh toán nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để đảm bảo khoản vay bà Phạm Thị Quế P có ký với Ngân hàng “Hợp đồng thế chấp tài sản” số LD1921000085 ngày 29/7/2019. Tài sản đảm bảo là: quyền sử dụng đất thửa đất số 8, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.940,8m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ thửa đất: ấp T (nay là ấp T), xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do ông Phạm Văn D2 và bà Nguyễn Thị B1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CI 952612, sổ vào sổ cấp GCN CS07460, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 31/8/2018. Được chỉnh lý trang 3 giấy chứng nhận sang tên bà Phạm Thị Quế P vào ngày 24/6/2019.

Tại khoản 7 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp quy định “*Khi xử lý TSBĐ, không phụ thuộc vào hiện trạng tài sản và/hoặc diện tích đất, diện tích xây dựng có bất kỳ thay đổi gì so với mô tả trong hợp đồng này vì bất kỳ lý do gì (bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp tài sản trên đất: không được xây dựng đúng quy định, không được thể hiện trên giấy tờ pháp lý của TSBĐ) thì S2 hoặc bên*

thứ ba do S2 ủy quyền vẫn có quyền xử lý toàn bộ tài sản TSBD để thu hồi nợ". Do đó, tài sản bảo đảm bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 8 như nêu trên.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 29/7/2019 được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực cùng ngày 29/7/2019, sau đó các bên có “Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất” đề ngày 29/7/2019 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất ngày 29/7/2019 nên Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực pháp luật. Bà Phạm Thị Quế P đồng ý cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà P không trả được nợ cho Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà P không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2023 thì trên thửa đất số 8 (như nêu trên) có một căn nhà cấp 4 do bà P xây dựng hiện có anh Nguyễn Hòa A và chị Nguyễn Thị B đang ở, trên đất còn có một số cây trồng như: đu đủ, hạnh, bắp, xoài, nhãn. Tại các biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/9/2023 và ngày 15/9/2023 thì anh Nguyễn Hòa A và chị Nguyễn Thị B đều thừa nhận các tài sản nêu trên là của bà P. Do đó, cần buộc anh A và chị B có trách nhiệm cùng bà P giao tài sản đã thế chấp trong trường hợp bà P không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về buộc bà Phạm Thị Quế P phải chịu toàn bộ án phí do bà P vi phạm hợp đồng. Xét, nghĩa vụ về án phí được quyết định khi vụ án được giải quyết theo quy định tại mục 1 chương IX của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên việc Ngân hàng yêu cầu bà P phải nộp tiền án phí chỉ được xem là ý kiến của Ngân hàng về nghĩa vụ án phí.

[2.4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Quế P phải nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Ngân hàng không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 292, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

1.1. Buộc bà Phạm Thị Quế P có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền vay gốc, lãi còn nợ là 63.272.470đ (sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm bảy mươi đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 13.272.470đ (mười ba triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Quế P còn phải trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy nhận nợ số LD212170038 ngày 05/8/2021.

1.2. Trường hợp bà Phạm Thị Quế P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 được quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1921000085 ngày 29/7/2019 để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.940,8m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ thửa đất: ấp T (nay là ấp T), xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do ông Phạm Văn D2 và bà Nguyễn Thị B1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CI 952612, số vào sổ cấp GCN CS07460, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 31/8/2018. Được chỉnh lý trang 3 giấy chứng nhận sang tên bà Phạm Thị Quế P vào ngày 24/6/2019. Bà Phạm Thị Quế P, anh Nguyễn Hòa A, chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng hoặc Cơ quan Thi hành án để xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Phạm Thị Quế P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.163.600đ (ba triệu một trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm đồng).

2.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 1.717.000đ (một triệu bảy trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004236 ngày 05/7/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THÀNH LUÂN